TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/HC-ST
Ngày 10 - 8 - 2023
Về việc: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trinh, bà Huỳnh Ánh Hồng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 60/2023/TLST-HC ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HC ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Văn Th, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hoàng Ngọc T – sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại Th – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B *(theo văn bản ủy quyền số 33/GUQ-UBND ngày 31/3/2023)* – Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 01 Lý Nam Đế, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Mai Thị B – sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Th và bà Mai Thị B: Bà Võ

Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 162/10 Hà Huy Tập, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Bà Võ Thị Hồng L – sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Quang H – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:**

Theo Công văn số: 4770/UBND-TTPTQĐ ngày 29/11/2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố B tỉnh Đắk Lắk về trả lời đơn thư khiếu nại theo khoản 1 và khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 và pháp luật có liên trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện dự án khu đô thị dân cư Km 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với ông Võ Văn Th.

Theo Quyết định thu hồi đất số: 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về thu hồi 5.138.059,7m^2/897.744,7m^2 đất của Công ty TNHH-MTV Cà phê B, tỉnh Đắk Lắk giao cho cho Ủy ban Nhân thành phố B quản lý khai thác trong đó có thu hồi nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp phát triển kinh tế, bảo vệ An ninh theo tinh thần Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08-11-2005 của Chính phủ về "Giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh".

Hộ ông Võ Văn Th bị thu hồi là: 1.515m^2.

Quyết định phê duyệt số: 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B tỉnh Đắk Lắk đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Võ Văn Th. Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và chi phí thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng khu đô thị dân cư Km 7, phường T, Ủy ban Nhân dân thành phố B tỉnh Đắk Lắk không thực theo đúng chính sách pháp luật đối với hộ gia đình ông Võ Văn Th là người có đất thu hồi.

Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất đất nông nghiệp giữa ông Võ Văn Th với Công ty TNHH-MTV Cà phê B, diện tích đất nhận khoán là 5.065m^2; thời hạn nhận khoán đến ngày 31/12/2020.

Theo điểm a khoản 3 Điều 69; điểm b khoản 2 Điều 83; khoản 1 Điều 84; khoản 1 khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 6 Điều 4; khoản 3 Điều 18 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 3 Điều 20 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về "Hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất không đủ điều kiện

bồi thường". Quá trình thực hiện các hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp nói trên đối với người khởi kiện không vi phạm quy định tại Điều 10 Nghị định 136/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của chính phủ.

Từ những căn cứ nói trên, đề nghị Tòa án, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th về việc:

- Hủy Công văn số 4924/UBND-TTPTQĐ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời thư khiếu nại của ông Võ Văn Th.

- Hủy một phần Quyết định số 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu đô thị dân cư Km7 thuộc khu đô thị Km7 phường T, thành phố B (đợt 3).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung phần: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Lãi chậm chi trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Võ Văn Th.

*** Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện trình bày:**

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND V/v thu hồi 5.138.059,7m^2 tại các phường: Tân Thành, Thành Nhất, Tân Lợi, Tân An, Tân Lập, Tân Hòa và xã Ea Tu thành phố B của Công ty TNHH MTV Cà phê B; Giao diện tích 4.240.315m^2 cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật (Tại địa bàn phường T với diện tích đất là: 280.808m^2).

Tại thời điểm UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi đất, Công ty TNHH MTV Cà phê B được giải thể kể từ ngày 30/9/2016 theo Quyết định 2712/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh. Việc UBND tỉnh thu hồi đất của Công ty tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 là trường hợp thu hồi đất đối với tổ chức sử dụng đất đã giải thể, thuộc quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013, không phải trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, dân sinh xã hội theo quy định tại các Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013.

Đất ông Võ Văn Th đang sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV Cà phê B quản lý. Công ty TNHH MTV Cà phê B ký Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với ông Võ Văn Th có thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020.

Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 "Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Đất được Nhà nước giao để quản lý". Do đó, diện tích đất của ông Võ Văn Th đang quan lý sử dụng không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 3, Điều 422 Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì một trong những trường hợp chấm dứt hợp đồng là: "Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện". Do vậy, khi Công ty TNHH MTV Cà phê B giải thể kể từ ngày 30/9/2016, thì hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa

Công ty cà phê với các hộ dân đã chấm dứt mặc dù hợp đồng vẫn còn thời hạn thực hiện.

Việc ông Võ Văn Th yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ là không có cơ sở, do Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/3/2017, trong khi khi Công ty TNHH MTV Cà phê B giải thể kể từ ngày 30/9/2016, thì hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa Công ty cà phê với các hộ dân đã chấm dứt và toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH MTV Cà phê B đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trước thời điểm Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Do đó, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu đô thị dân cư Km7, thuộc Khu đô thị Km7 phường T, thành phố B (đợt 3). Trong đó, không có chi phí hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là đúng quy định.

Tính lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Cà phê B theo Quyết định giải thể năm 2016. Tại thời điểm thu hồi đất thì chưa phê duyệt phương án bồi thường, nên chưa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ. Do vậy các hộ yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm có Quyết định thu hồi đất đến khi nhận tiền bồi thường là không có căn cứ.

Đến ngày 31/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9088/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Khu đô thị dân cư Km7, thuộc Khu đô thị Km7 phường T, thành phố B (đợt 3), trong đó có hộ ông Võ Văn Th và chi trả tiền cho hộ trên là đúng theo quy định.

Hỗ trợ khác: Tại thời điểm UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 đã áp dụng Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND, ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 15/3/2022, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, có hiệu lực ngày 25/3/2022. Do đó, việc ông ông Võ Văn Th căn cứ tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị hỗ trợ khác là không đúng quy định.

Từ những nội dung trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Văn Th.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện nhất trí với ý kiến của UBND thành phố B.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị B và bà Võ Thị Hồng Lê đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Ngoài ra, bà Mai Thị B và bà Võ Thị Hồng Lê có đơn xin không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiệm giữ nguyên quan điểm của người bị kiện và đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th:

- Hủy một phần một phần Quyết định phê duyệt số 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Khu đô thị dân cư km7 thuộc khu đô thị km7 phường T, thành phố B (đợt 3) đối với hô ông Võ Văn Th. Buộc Uỷ ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường cho ông Võ Văn Th theo đúng quy định của pháp luật;

- Hủy Công văn số 4924/UBND-TTPTQĐ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về trả lời đơn khiếu nại;

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th đối với yêu cầu hỗ trợ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về đối tượng và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 4924/UBND-TTPTQĐ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân thành phố B về việc trả lời thư khiếu nại của ông Võ Văn Th; Hủy một phần Quyết định phê duyệt số 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Khu đô thị dân cư Km7 thuộc khu đô thị km7 phường T, thành phố B (Đợt 3). Đây là văn bản chứa nội dung quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn Th nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/3/2023, người khởi kiện có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc đất:

Diện tích đất mà Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thu hồi của ông Võ Văn Th là của Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV Cà phê B quản lý. Công ty TNHH MTV Cà phê B ký Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với ông Võ Văn Th có thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m^2 tại các phường Tân Thành, Thành Nhất, Tân Lợi, Tân An, Tân Lập, Tân Hòa và xã Ea Tu thành phố B của Công ty TNHH MTV Cà phê B; Giao diện tích 4.240.315m^2 cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật (Tại địa bàn phường T với diện tích đất là: 280.808m^2); Trong đó có diện tích đất của Công ty Cà phê B liên kết sản xuất cà phê với người khởi kiện.

Ngày 31/12/2020, UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 9088/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Khu đô thị dân cư km7 thuộc khu đô thị km7 phường T, thành phố B (Đợt 3), trong đó có hộ gia đình ông Võ Văn Th.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Võ Văn Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc đất của hộ ông Võ Văn Th nhận giao khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV Cà phê B theo Hợp đồng số Đ2-70/HĐ, ngày 20/8/2000 với diện tích là 5065m^2 đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 20/8/2000 đến 31/12/2020 tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 65, phường T.

Theo khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất như sau:

"*đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;*"

Hộ ông ông Võ Văn Th hiện đang sử dụng diện tích đất do nhận giao khoán từ Công ty Cà phê B, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất này. Nên hộ ông Võ Văn Th thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83; khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì người khởi kiện thuộc trường hợp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định.

Việc UBND thành phố B chưa xem xét, hỗ trợ các khoản này cho ông Võ Văn Th là thiếu sót. Vì vậy, yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu đất của người khởi kiện là có căn cứ, cần được xem xét, chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B phải chi trả thêm khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, thì thấy:

Tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"*1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.*

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả."

Ngày 31/12/2020, UBND thành phố B ban hành quyết định 9088/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng đến ngày 23/02/2021 UBND thành phố B mới ban hành thông báo chi trả tiền bồi thường cho người khởi kiện. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013, lẽ ra ngày 31/01/2021 UBND thành phố B phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi. Do đó, ngoài số tiền bồi thường, hỗ trợ đã chi trả cho người có đất bị thu hồi, UBND thành phố B còn phải thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền

chậm trả từ ngày 31/01/2021 đến ngày 23/02/2021 (ngày UBND thành phố B ban hành thông báo chi trả tiền bồi thường) theo quy định.

[2.4] Xét yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B phải thực hiện hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất:

Đai diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu khoản hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND, ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, ngày 31/12/2020 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9088/QĐ-UBND về hỗ trợ, bồi thường thì Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Đối chiếu mục 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, thì người khởi kiện cũng không thuộc trường hợp được hỗ trợ khác. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khoản hỗ trợ khác của người khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với yêu cầu hủy Công văn số 4924/UBND-TTPTQĐ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời thư khiếu nại của ông Võ Văn Th là có căn cứ như đã nhận định tại mục [2.2] [2.3].

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Võ Văn Th về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải bổ sung khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất khi nhà nước thu hồi đất và thanh toán thêm khoản tiền chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Võ Văn Th theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hủy một phần Quyết định 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B và Công văn số 4924/UBND-TTPTQĐ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên ông Võ Văn Th không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 83; Điều 84; Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th.

- Hủy một phần một phần Quyết định phê duyệt số 9088/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Khu đô thị dân cư km7 thuộc khu đô thị km7 phường T, thành phố B (đợt 3) đối với hộ ông Võ Văn Th. Buộc Uỷ ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Võ Văn Th theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Công văn số 4924/UBND-TTPTQĐ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về trả lời đơn khiếu nại.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th đối với yêu cầu buộc Uỷ ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung hỗ trợ khác.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Trả lại cho ông Võ Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Xuân Bốn nộp thay) theo biên lai thu số AA/2022/0000797 ngày 22/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Uỷ ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bằng